

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Mẫu hướng dẫn xây dựng Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1269/2001/QĐ-NHNN ngày 08 tháng 10 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Mẫu Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở căn cứ vào Mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ ban hành kèm theo Quyết định này để xây dựng Điều lệ về tổ chức và hoạt động của mình.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Các tổ chức tín dụng hợp tác, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Trần Minh Tuấn

0938881111
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSOff

**MẪU HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG
ĐIỀU LỆ QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN CƠ SỞ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2006/QĐ-NHNN
ngày 20 tháng 01 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm

ĐIỀU LỆ QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, địa chỉ, địa bàn hoạt động

1. Tên gọi đầy đủ: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.....
2. Tên gọi tắt: Quỹ tín dụng
3. Biểu tượng: Sử dụng biểu tượng chung của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân
4. Trụ sở làm việc: Số nhà....., phố....., xã (phường).....,
Huyện (thị xã)....., tỉnh, thành phố.....
5. Số điện thoại.....Fax.....Email.....
6. Địa bàn hoạt động *(Ghi theo giấy phép thành lập và hoạt động được Ngân hàng Nhà nước cấp)*.
7. Thời gian hoạt động: *(Ghi theo giấy phép thành lập và hoạt động được Ngân hàng Nhà nước cấp)*.

Điều 2. Tính chất và mục tiêu hoạt động

Quỹ tín dụng là loại hình tổ chức tín dụng hợp tác hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, thực hiện mục tiêu chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên, nhằm phát huy sức mạnh của tập thể và của từng thành viên giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống, bảo đảm bù đắp đủ chi phí và có tích lũy để phát triển. Hoạt động của Quỹ tín dụng..... phải tuân thủ Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Tư cách pháp nhân

Quỹ tín dụng..... có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, chịu trách nhiệm trước thành viên và trước pháp luật về hoạt động của mình.

Quỹ tín dụng..... có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Quỹ tín dụng..... được tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc sau đây:

1. Tự nguyện: Mọi cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân và các đối tượng khác có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này đều có quyền gia nhập Quỹ tín dụng; thành viên có quyền ra khỏi Quỹ tín dụng theo quy định Điều lệ này.

2. Dân chủ, bình đẳng và công khai: Thành viên Quỹ tín dụng có quyền tham gia quản lý, kiểm tra, giám sát Quỹ tín dụng và có quyền ngang nhau trong biểu quyết.

3. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi: Quỹ tín dụng tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của mình; tự quyết định về phân phối thu nhập. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ nộp thuế và trang trải các khoản lỗ của Quỹ tín dụng, lãi được trích một phần vào các Quỹ của Quỹ tín dụng, một phần chia theo vốn góp và công sức đóng góp của thành viên, phần còn lại chia cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ của Quỹ tín dụng.

4. Hợp tác và phát triển cộng đồng: Thành viên phải có ý thức phát huy tinh thần xây dựng tập thể và hợp tác với nhau trong Quỹ tín dụng, trong cộng đồng xã hội; hợp tác giữa các Quỹ tín dụng ở trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền của Quỹ tín dụng

1. Được huy động vốn, cho vay vốn và thực hiện các dịch vụ ngân hàng khác theo giấy phép hoạt động; có quyền tự chủ kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của mình.

2. Nhận vốn tài trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Yêu cầu người vay cung cấp các tài liệu về tài chính, sản xuất, kinh doanh liên quan đến khoản vay.

4. Được tuyển chọn, sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng thích hợp và thực hiện các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

5. Kết nạp thành viên mới, giải quyết việc thành viên ra khỏi Quỹ tín dụng, khai trừ thành viên theo quy định của Điều lệ.

6. Quyết định phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

7. Quyết định khen thưởng và xử phạt đối với thành viên.

8. Từ chối yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trái với quy định của pháp luật.

9. Khiếu nại, khởi kiện các hành vi vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ tín dụng.

10. Thực hiện các quyền khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nghĩa vụ của Quỹ tín dụng

1. Hoạt động kinh doanh theo giấy phép được cấp; chấp hành các quy định của Nhà nước về tiền tệ, tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

2. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và kiểm toán.

3. Bảo toàn và phát triển vốn hoạt động; quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản được giao.

4. Có trách nhiệm hoàn trả các khoản tiền gửi, các khoản đi vay và các khoản nợ khác theo đúng kỳ hạn; chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của Quỹ tín dụng theo quy định của pháp luật.

5. Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

6. Tham gia tổ chức liên kết phát triển hệ thống nhằm mục tiêu xây dựng

Quỹ tín dụng và hệ thống Quỹ tín dụng an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững.

7. Chăm lo giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cung cấp thông tin để mọi thành viên tích cực tham gia xây dựng và quản lý Quỹ tín dụng.

8. Bảo đảm các quyền lợi của thành viên và thực hiện các cam kết kinh tế đối với thành viên.

9. Thực hiện hợp đồng lao động; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động.

10. Đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho cán bộ, nhân viên hoặc người lao động làm việc thường xuyên và có hưởng lương tại Quỹ tín dụng (*Hướng dẫn: Quỹ tín dụng cụ thể hóa trong Điều lệ các quy định về đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho cán bộ, nhân viên và người lao động theo quy định tại khoản 9 Mục II Thông tư số 08/2005/TT-NHNN, ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước Hướng*

dẫn thực hiện Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số 69/2005/NĐ-CP ngày 26/5/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2001/NĐ-CP ngày 13/8/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân - sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2005/TT-NHNN- và các quy định của pháp luật có liên quan).

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II THÀNH VIÊN

Điều 7. Điều kiện để trở thành thành viên

(*Hướng dẫn: Quỹ tín dụng cụ thể hóa trong Điều lệ các quy định về điều kiện để trở thành thành viên theo quy định tại khoản 2, Mục II Thông tư số 08/2005/TT-NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan.*)

Điều 8. Quyền của thành viên

1. Được dự Đại hội thành viên hoặc bầu đại biểu đi dự Đại hội thành viên, các cuộc họp thành viên để bàn bạc và biểu quyết những công việc của Quỹ tín dụng.

2. Được ứng cử, bầu cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh được bầu khác của Quỹ tín dụng (trừ thành viên là cán bộ, công chức nhà nước).

3. Được gửi tiền, vay vốn, chia lãi theo vốn góp và theo mức độ sử dụng dịch vụ của Quỹ tín dụng.

4. Được hưởng thụ các phúc lợi xã hội chung của Quỹ tín dụng theo quy định của pháp luật.

5. Được khen thưởng khi có nhiều đóng góp trong việc xây dựng và phát triển Quỹ tín dụng.

6. Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của Quỹ tín dụng.

7. Được đề đạt, phản ánh, kiến nghị những vấn đề liên quan đến hoạt động của Quỹ tín dụng và yêu cầu được trả lời; yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội thành viên bất thường để giải quyết những vấn đề cấp thiết.

8. Được chuyển nhượng vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho thành viên khác hoặc những người đủ điều kiện trở thành thành viên.

9. Được quyền xin ra Quỹ tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này.

10. Trong điều kiện Quỹ tín dụng hoạt động có lãi và việc rút vốn của thành viên không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ tín dụng thì thành viên được trả lại vốn góp và các quyền lợi khác theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

11. Được Quỹ tín dụng làm đầu mối đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (Trong trường hợp thành viên không thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc).

(Hướng dẫn: Nếu thành viên có yêu cầu và Quỹ tín dụng có điều kiện thực hiện, Quỹ tín dụng căn cứ vào điều kiện cụ thể để ghi vào Điều lệ nội dung Quỹ tín dụng liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội ở địa phương để làm đầu mối thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho thành viên.)

Điều 9. Nghĩa vụ của thành viên

1. Chấp hành Điều lệ và các Nghị quyết của Đại hội thành viên.
2. Góp vốn theo quy định của Điều lệ.
3. Hợp tác, tương trợ giữa các thành viên, góp phần xây dựng và thúc đẩy sự phát triển của Quỹ tín dụng.
4. Cùng chịu trách nhiệm về các khoản rủi ro, thua lỗ của Quỹ tín dụng trong phạm vi vốn góp của mình.
5. Hoàn trả vốn và lãi tiền vay của Quỹ tín dụng theo cam kết.
6. Bồi thường các thiệt hại do mình gây ra cho Quỹ tín dụng theo quyết định của Đại hội thành viên.

Điều 10. Chấm dứt tư cách thành viên

Tư cách thành viên Quỹ tín dụng sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Thành viên là cá nhân bị chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; thành viên là hộ gia đình không có người đại diện đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ; Thành viên là pháp nhân khi tổ chức đó bị giải thể, phá sản hoặc không có người đại diện đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Thành viên được xem xét giải quyết cho ra Quỹ tín dụng khi:

a) Thành viên thực sự gặp khó khăn như: Bản thân hoặc người trong gia đình bị ốm đau dài ngày, thành viên là người già neo đơn, thành viên sản xuất kinh doanh bị thua lỗ kéo dài không có khả năng phục hồi;

b) Thành viên gặp rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng như: sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn;

c) Các trường hợp khác (*Hướng dẫn: Quỹ tín dụng căn cứ vào tình hình thực tế để quy định cho phù hợp*).

Khi thành viên có nguyện vọng xin ra Quỹ tín dụng thì phải có đơn đề nghị gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn tối đa ba mươi ngày, Hội đồng quản trị phải họp để xem xét quyết định giải quyết cho thành viên ra khỏi Quỹ tín dụng.

3. Thành viên đã chuyển hết vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

4. Thành viên bị Đại hội thành viên khai trừ khi:

a) Thành viên không chấp hành Điều lệ và các Nghị quyết của Đại hội thành viên;

b) Thành viên vay vốn của Quỹ tín dụng cố tình chây ỳ không chịu trả nợ hoặc thành viên có những hành vi tuyên truyền xuyên tạc về tình hình hoạt động của Quỹ tín dụng;

c) Các trường hợp khác (*Hướng dẫn: Quỹ tín dụng căn cứ vào tình hình thực tế để quy định cho phù hợp*).

Điều 11. Giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ khi chấm dứt tư cách thành viên

(*Hướng dẫn: Quỹ tín dụng cụ thể hóa trong Điều lệ các quy định về giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ khi chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại khoản 4, Mục II Thông tư số 08/2005/TT-NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan*).

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ QUỸ TÍN DỤNG

Mục I

ĐẠI HỘI THÀNH VIÊN

Điều 12. Đại hội thành viên

1. Đại hội thành viên có quyền quyết định cao nhất của Quỹ tín dụng.

2. Đại hội toàn thể thành viên hoặc Đại hội đại biểu thành viên (gọi chung là Đại hội thành viên) có nhiệm vụ, quyền hạn như nhau. Căn cứ vào tình hình thực tế tại Quỹ tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước (*Hướng dẫn: Quỹ tín dụng cụ thể hóa trong Điều lệ theo quy định tại điểm 5.1, khoản 5, Mục II Thông tư số 08/2005/TT-NHNN*), Hội đồng quản trị quyết định về cách thức tổ chức Đại hội

thành viên, bầu đại biểu đi dự Đại hội thành viên và số lượng đại biểu đi dự Đại hội thành viên trong từng kỳ Đại hội.

3. Đại hội thành viên thường kỳ: Họp mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn ba tháng, kể từ ngày khóa sổ quyết toán năm tài chính.

4. Đại hội thành viên nhiệm kỳ: Quỹ tín dụng tổ chức Đại hội thành viên nhiệm kỳ khi hết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*Hướng dẫn: Điều lệ Quỹ tín dụng có thể quy định Đại hội nhiệm kỳ tổ chức kết hợp với Đại hội thường kỳ của năm đó*).

5. Đại hội thành viên bất thường: Do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát triệu tập để quyết định những vấn đề cần thiết vượt quá quyền hạn của Hội đồng quản trị hoặc của Ban kiểm soát.

Trong trường hợp có ít nhất một phần ba tổng số thành viên cùng có đơn yêu cầu triệu tập Đại hội thành viên để giải quyết cùng một vấn đề nêu trong đơn gửi lên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận đủ đơn, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội thành viên bất thường; nếu quá thời hạn này mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thì Ban kiểm soát phải triệu tập Đại hội thành viên bất thường để giải quyết các vấn đề nêu trong đơn.

Điều 13. Nội dung Đại hội thành viên

Đại hội thành viên thảo luận và quyết định những vấn đề sau đây:

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Riêng Đại hội thành viên nhiệm kỳ còn thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ tín dụng trong nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động của Quỹ tín dụng trong nhiệm kỳ tới; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong nhiệm kỳ.

2. Báo cáo công khai tài chính - kế toán, dự kiến phân phối lợi nhuận và xử lý các khoản lỗ (*nếu có*).

3. Phương hướng hoạt động kinh doanh năm tới.

4. Tăng, giảm vốn điều lệ; mức góp vốn của thành viên.

5. Quyết định việc thành lập riêng hay không thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành theo quy định của pháp luật.

6. Bầu, bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị (*trong trường hợp Quỹ tín dụng thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành*), Giám đốc (*trong trường hợp Quỹ tín dụng thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành*), các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát.

7. Quyết định việc lựa chọn, bổ nhiệm Giám đốc trong số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Quỹ tín dụng hoặc thuê Giám đốc (trong trường hợp Quỹ tín dụng thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành).

8. Thông qua phương án do Hội đồng quản trị xây dựng về mức tiền lương, phụ cấp và thù lao công vụ cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trường ban kiểm soát và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và các nhân viên làm việc tại Quỹ tín dụng.

9. Thông qua danh sách kết nạp thành viên mới và cho thành viên ra khỏi Quỹ tín dụng do Hội đồng quản trị báo cáo; quyết định khai trừ thành viên.

10. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại, giải thể Quỹ tín dụng.

11. Sửa đổi Điều lệ của Quỹ tín dụng.

12. Các đối tượng được Quỹ tín dụng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 10 Điều 6 của Điều lệ này.

13. Những vấn đề khác do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc có ít nhất một phần ba tổng số thành viên đề nghị.

Điều 14. Quy định về số lượng đại biểu và biểu quyết trong Đại hội thành viên Quỹ tín dụng

(*Hướng dẫn: Quỹ tín dụng cụ thể hóa trong Điều lệ các quy định về Số lượng đại biểu tối thiểu tham dự Đại hội và biểu quyết trong Đại hội thành viên theo quy định tại điểm 5.2, 5.3, 5.4, 5.5 khoản 5, Mục II Thông tư số 08/2005/TT-NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan*).

Điều 15. Thông báo triệu tập Đại hội thành viên

Chậm nhất là mười ngày trước khi khai mạc Đại hội thành viên, cơ quan triệu tập Đại hội phải thông báo thời gian, địa điểm họp và chương trình Đại hội cho từng thành viên hoặc đại biểu thành viên. Đại hội thành viên chỉ thảo luận và quyết định những vấn đề đã ghi trong chương trình và những vấn đề phát sinh khi có ít nhất một phần ba tổng số thành viên đề nghị.

Mục II

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH

Điều 16. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có chức năng quản trị Quỹ tín dụng theo quy định của pháp luật.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể cho mỗi nhiệm kỳ do Đại hội thành viên quyết định nhưng tối thiểu là 3 người; Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên bầu trực tiếp theo thể thức bỏ phiếu kín. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quy định, nhưng tối thiểu là 2 năm và tối đa không quá 5 năm.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên của Quỹ tín dụng (cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của tổ chức) và phải có phẩm chất đạo đức tốt, có tín nhiệm, có năng lực quản lý và hiểu biết về hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (*Hướng dẫn: Quỹ tín dụng có thể căn cứ thực tế hoạt động để quy định thêm các tiêu chuẩn khác nhưng không được trái với các quy định của pháp luật*).

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Quỹ tín dụng và không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột của họ.

5. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Đại hội thành viên và trước pháp luật.

6. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao theo Quyết định của Đại hội thành viên. Riêng Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ chuyên trách được hưởng lương.

8. Căn cứ Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội thành viên thông qua để ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị nhằm thực hiện tốt chức năng quản trị Quỹ tín dụng.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

(*Hướng dẫn: Quỹ tín dụng căn cứ quyết định của Đại hội thành viên về việc thành lập riêng hay không thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành để ghi vào Điều lệ theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 của Điều này*).

1. Đối với Quỹ tín dụng thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành.

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ tín dụng;

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê Kế toán trưởng (*nếu Quỹ tín dụng có chức danh này*);

- c) Quyết định cơ cấu tổ chức các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của Quỹ tín dụng;
- d) Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội thành viên;
- đ) Chuẩn bị báo cáo về kế hoạch hoạt động kinh doanh và phân phối lãi của Quỹ tín dụng, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội thành viên;
- e) Chuẩn bị chương trình nghị sự của Đại hội thành viên và triệu tập Đại hội thành viên;
- g) Xử lý các khoản cho vay không có khả năng thu hồi và những tổn thất khác theo quy định của pháp luật;
- h) Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng; duyệt báo cáo quyết toán tài chính để trình Đại hội thành viên;
- i) Tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Quỹ tín dụng theo quy định tại các Điều 5 và 6 của Điều lệ này;
- k) Xét kết nạp thành viên mới và giải quyết việc thành viên ra Quỹ tín dụng (*trừ trường hợp khai trừ thành viên*) và báo cáo để Đại hội thành viên thông qua;
- l) Đại diện chủ sở hữu tài sản của Quỹ tín dụng và doanh nghiệp trực thuộc trong trường hợp Quỹ tín dụng có doanh nghiệp;
- m) Kiểm tra đánh giá công việc của Giám đốc và các Phó Giám đốc Quỹ tín dụng theo các quyết định của Hội đồng quản trị;
- n) Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Đại hội thành viên và trước pháp luật;
- o) Các quyền và nhiệm vụ khác do Điều lệ Quỹ tín dụng quy định.

2. Đối với Quỹ tín dụng thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành.

- a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, thuê hoặc chấm dứt hợp đồng thuê Giám đốc theo nghị quyết của Đại hội thành viên;
- b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc;

Ngoài các quyền và nhiệm vụ trên đây, Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng còn có các quyền, nhiệm vụ quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 của Điều này (*Hướng dẫn: Điều lệ của Quỹ tín dụng phải ghi cụ thể và đầy đủ các quyền và nhiệm vụ này*).

Điều 18. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng quản trị; phân công và

theo dõi các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nghị quyết Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị; đôn đốc và giám sát việc điều hành của Giám đốc Quỹ tín dụng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị (các văn bản trình Đại hội thành viên; trình Ngân hàng Nhà nước...).

Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời tham gia Hội đồng quản trị hoặc tham gia điều hành tại các tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tham gia Hội đồng quản trị (thành viên kiêm nhiệm) của Quỹ tín dụng Trung ương hoặc các chức vụ quản trị, kiểm tra (kiểm soát) kiêm nhiệm tại tổ chức liên kết phát triển hệ thống.

(Hướng dẫn: Quỹ tín dụng căn cứ quyết định của Đại hội thành viên về việc thành lập riêng hay không thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành để ghi vào Điều lệ theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 của Điều này).

1. Trường hợp Quỹ tín dụng thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành thì Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là Giám đốc và có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- a) Đại diện Quỹ tín dụng theo pháp luật;
- b) Thực hiện kế hoạch kinh doanh và điều hành các công việc hàng ngày của Quỹ tín dụng;
- c) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng;
- d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, phân công các chức danh trong Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị;
- đ) Ký kết các hợp đồng nhân danh Quỹ tín dụng;
- e) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
- g) Đề nghị với Hội đồng quản trị về phương án bố trí cơ cấu tổ chức Quỹ tín dụng;
- h) Tuyển dụng lao động, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- l) Các quyền khác *(Hướng dẫn: Căn cứ vào thực tế Điều lệ Quỹ tín dụng có thể quy định thêm)* theo Nghị quyết Đại hội thành viên;
- k) Chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về công việc được giao.

Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là Giám đốc được ủy quyền cho một Phó Giám đốc điều hành công việc của Quỹ tín dụng.

2. Trường hợp Quỹ tín dụng thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- a) Đại diện Quỹ tín dụng trước pháp luật;
- b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- c) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- d) Chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị về công việc được giao;
- đ) Ký các văn bản của Đại hội thành viên và Hội đồng quản trị;
- e) Các quyền và nhiệm vụ khác (*Hướng dẫn: Căn cứ vào thực tế Điều lệ Quỹ tín dụng có thể quy định thêm*).

Điều 19. Giám đốc

Giám đốc là người lãnh đạo Bộ máy điều hành để thực hiện kế hoạch kinh doanh và điều hành các công việc hàng ngày của Quỹ tín dụng. Giám đốc Quỹ tín dụng không kiêm nhiệm các chức vụ ở các tổ chức kinh tế, chính quyền và tổ chức chính trị - xã hội khác ở địa phương.

(Hướng dẫn: Quỹ tín dụng căn cứ quyết định của Đại hội thành viên về việc thành lập riêng hay không thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành để ghi vào Điều lệ theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 của Điều này).

1. Trường hợp Quỹ tín dụng thành lập một bộ máy vừa quản lý vừa điều hành thì Giám đốc đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị và có các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này.

2. Trường hợp Quỹ tín dụng thành lập riêng bộ máy quản lý và bộ máy điều hành, Giám đốc có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

- a) Ký kết các hợp đồng nhân danh Quỹ tín dụng theo ủy quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tuyển dụng lao động theo ủy quyền của Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng;
- c) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Quỹ tín dụng (*Hướng dẫn: căn cứ vào thực tế Điều lệ Quỹ tín dụng có thể quy định thêm*), Nghị quyết Đại hội thành viên hoặc theo hợp đồng ký kết với Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng;
- d) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về công việc được giao.

Ngoài các quyền và nhiệm vụ trên đây, Giám đốc Quỹ tín dụng còn có các quyền và nhiệm vụ quy định tại các điểm b, c, e, g khoản 1, Điều 18 của Điều lệ này (*Hướng dẫn: Điều lệ của Quỹ tín dụng phải ghi cụ thể và đầy đủ các quyền và nhiệm vụ này*).

Khi vắng mặt, Giám đốc ủy quyền cho một Phó Giám đốc điều hành công việc của Quỹ tín dụng;

Trường hợp Giám đốc là thành viên của Quỹ tín dụng hoặc thành viên Hội đồng quản trị thì ngoài việc phải thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ của Giám đốc theo quy định tại Điều này, phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Quỹ tín dụng hoặc thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp Giám đốc được thuê thì phải thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ của Giám đốc theo quy định tại Điều này và tại hợp đồng thuê Giám đốc Quỹ tín dụng. Giám đốc được tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội thành viên nhưng không được quyền biểu quyết và không được hưởng các quyền khác của thành viên Quỹ tín dụng hoặc thành viên Hội đồng quản trị.

Căn cứ Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan, Giám đốc phải xây dựng trình Hội đồng quản trị thông qua để ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Bộ máy điều hành nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh và nghiệp vụ hàng ngày của Quỹ tín dụng.

Điều 20. Phó Giám đốc

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc lãnh đạo bộ máy điều hành. Phó Giám đốc phải là thành viên của Quỹ tín dụng và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc. Phó Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ do Giám đốc ủy quyền theo quy định tại Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành Quỹ tín dụng nhân dân do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.

Điều 21. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là bộ máy có chức năng thay mặt thành viên giám sát và kiểm tra mọi hoạt động của Quỹ tín dụng theo pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng.

2. Trường Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội thành viên bầu trực tiếp theo thể thức bỏ phiếu kín. Ban kiểm soát có thành viên, trong đó có 1 kiểm soát viên chuyên trách (*Hướng dẫn: Quỹ tín dụng căn cứ theo quy định tại khoản 7, Mục II Thông tư số 08/2005/TT-NHNN, các quy định của pháp*

luật có liên quan và thực tế hoạt động của Quỹ tín dụng để quy định số lượng thành viên Ban kiểm soát cho phù hợp); Trưởng ban kiểm soát có thể kiêm nhiệm chức danh Kiểm soát viên chuyên trách. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Thành viên Ban kiểm soát phải là thành viên của Quỹ tín dụng. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (*Hướng dẫn: Quỹ tín dụng có thể căn cứ thực tế hoạt động để quy định thêm các tiêu chuẩn khác nhưng không được trái với các quy định của pháp luật*).

5. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng, Thủ quỹ của Quỹ tín dụng và không phải là cha, mẹ, vợ, chồng con hoặc anh, chị em ruột của họ.

6. Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Quyết định của Đại hội thành viên. Riêng Trưởng ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách và kiểm soát viên chuyên trách (*Hướng dẫn: Điều lệ Quỹ tín dụng phải quy định chế độ làm việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát*) được hưởng lương (*nhưng không phải là nhân viên nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành của Giám đốc Quỹ tín dụng*).

7. Căn cứ Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan, Ban kiểm soát phải xây dựng trình Đại hội thành viên thông qua để ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nhằm thực hiện tốt chức năng thay mặt thành viên giám sát và kiểm tra mọi hoạt động của Quỹ tín dụng theo pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra, giám sát Quỹ tín dụng hoạt động theo pháp luật.

2. Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Quỹ tín dụng; nghị quyết Đại hội thành viên, nghị quyết Hội đồng quản trị. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc và thành viên Quỹ tín dụng theo đúng pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng.

3. Kiểm tra về hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ của Quỹ tín dụng, sử dụng tài sản và các khoản hỗ trợ của Nhà nước; giám sát việc chấp hành chế độ an toàn

trong hoạt động của Quỹ tín dụng, thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động từng thời kỳ, từng lĩnh vực nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của Quỹ tín dụng.

4. Tiếp nhận các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến hoạt động của Quỹ tín dụng; giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ tín dụng.

5. Trưởng ban kiểm soát hoặc đại diện của Ban kiểm soát được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không tham gia biểu quyết.

6. Yêu cầu những người có liên quan trong Quỹ tín dụng cung cấp tài liệu, sổ sách chứng từ và những thông tin cần thiết khác để phục vụ cho công tác kiểm tra, nhưng không được sử dụng các tài liệu, thông tin đó vào mục đích khác.

7. Được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ (nếu có) của Quỹ tín dụng để thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

8. Chuẩn bị chương trình và triệu tập Đại hội thành viên bất thường khi có một trong các trường hợp sau:

a) Khi Hội đồng quản trị (bao gồm cả Chủ tịch và các thành viên), Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (hoặc Trưởng phòng kế toán), các nhân viên chuyên môn nghiệp vụ và thành viên Quỹ tín dụng có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ Quỹ tín dụng và nghị quyết của Đại hội thành viên, Ban kiểm soát đã yêu cầu mà Hội đồng quản trị không thực hiện hoặc thực hiện không có kết quả các biện pháp ngăn chặn;

b) Khi Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 của Điều lệ này.

9. Thông báo cho Hội đồng quản trị, báo cáo trước Đại hội thành viên và Ngân hàng Nhà nước về kết quả kiểm soát; kiến nghị với Hội đồng quản trị, Giám đốc khắc phục những yếu kém, những vi phạm trong hoạt động của Quỹ tín dụng.

Điều 23. Những người không được là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người điều hành

Những người sau đây không được bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, không được bổ nhiệm hoặc được thuê làm Giám đốc, không được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc:

1. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSoft *
0919 66801

2. Đã bị kết án về các tội nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa và tài sản của công dân; các tội nghiêm trọng về kinh tế;
3. Đã bị kết án về các tội phạm khác mà chưa được xóa án;
4. Đã từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc của một tổ chức bị phá sản, trừ các trường hợp:
 - a) Là Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp bị phá sản vì lý do bất khả kháng do Chính phủ quy định;
 - b) Là Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp chịu trách nhiệm về lý do doanh nghiệp bị phá sản;
 - c) Là Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị đã tự nguyện đệ đơn xin tuyên bố phá sản doanh nghiệp đúng pháp luật và đã trả đủ nợ cho các chủ nợ.
5. Đã từng là đại diện theo pháp luật của một tổ chức bị đình chỉ hoạt động do vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
6. Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng một Quỹ tín dụng.

Chương IV NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Điều 24. Nguồn vốn hoạt động

1. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Quỹ tín dụng là tổng số vốn do các thành viên góp và được ghi vào Điều lệ Quỹ tín dụng. Việc tăng, giảm Vốn điều lệ của Quỹ tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình hoạt động, Quỹ tín dụng phải đảm bảo duy trì Vốn điều lệ không thấp hơn mức Vốn pháp định do Chính phủ quy định đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

(Hướng dẫn: Quỹ tín dụng cụ thể hóa trong Điều lệ các quy định về vốn góp được quy định tại khoản 3, Mục II Thông tư số 08/2005/TT-NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan).

2. Vốn huy động:

a) Quỹ tín dụng được huy động vốn của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới hình thức nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm;

b) Quỹ tín dụng được vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, của các tổ chức tín dụng khác;

c) Trong trường hợp gặp khó khăn về tài chính, Quỹ tín dụng được vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở khác khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

3. Các nguồn vốn khác: bao gồm các nguồn vốn dịch vụ ủy thác, vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các loại vốn và quỹ khác hình thành trong quá trình hoạt động của Quỹ tín dụng.

Điều 25. Hoạt động tín dụng

1. Quỹ tín dụng cho vay các khách hàng:

a) Cho vay đối với thành viên;

b) Cho vay các hộ nghèo không phải là thành viên cư trú trên địa bàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

c) Cho vay những khách hàng có tiền gửi tại Quỹ tín dụng dưới hình thức có bảo đảm bằng sổ tiền gửi do chính Quỹ tín dụng phát hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn của Quỹ tín dụng.

3. Quỹ tín dụng có quyền xem xét, quyết định cho vay trên cơ sở có bảo đảm hoặc không có bảo đảm bằng tài sản của khách hàng vay, bảo lãnh của bên thứ ba và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; Quỹ tín dụng không được cho vay trên cơ sở bảo đảm bằng Sổ góp vốn của thành viên.

4. Khi cho vay Quỹ tín dụng tiến hành lập hồ sơ và thủ tục xét duyệt cho vay, kiểm tra việc sử dụng tiền vay, chấm dứt cho vay, xử lý nợ, điều chỉnh lãi suất và lưu giữ hồ sơ cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

5. Được thực hiện các hoạt động tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Điều 26. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

1. Quỹ tín dụng được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tại Quỹ tín

dụng nhân dân Trung ương và các tổ chức tín dụng khác để thực hiện dịch vụ thanh toán cho thành viên và khách hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Quỹ tín dụng được thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, chủ yếu phục vụ các thành viên.

Điều 27. Các hoạt động khác

1. Quỹ tín dụng được dùng Vốn điều lệ và Quỹ dự trữ để góp vốn vào Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Quỹ tín dụng được nhận ủy thác, làm đại lý và thực hiện các nghiệp vụ khác trong lĩnh vực hoạt động tiền tệ khi có đủ điều kiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước, đảm bảo hoạt động có hiệu quả, an toàn và phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Chương V

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 28. Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ tín dụng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 29. Hạch toán

Quỹ tín dụng phải thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 30. Thu - chi tài chính của Quỹ tín dụng

Quỹ tín dụng thực hiện chế độ thu - chi tài chính theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính, của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 31. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Quỹ tín dụng được sử dụng:

1. Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; bù các khoản lỗ năm trước và tiền phạt do vi phạm pháp luật (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phần còn lại được dùng một phần để trích lập Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, Quỹ dự phòng tài chính. Tỷ lệ trích lập hai Quỹ này do Đại hội thành viên quyết định, nhưng mức trích lập tối thiểu trên lợi nhuận sau thuế không được thấp hơn mức quy định của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan. Việc trích lập các Quỹ khác và tỷ lệ trích lập cụ thể hàng năm do Đại hội thành viên quyết định phù hợp với điều kiện hoạt động cụ thể của Quỹ tín dụng.

3. Chia lãi cho thành viên theo vốn góp, theo công sức đóng góp của thành viên và theo mức độ sử dụng dịch vụ (gửi tiền, vay vốn hoặc các dịch vụ khác nếu có). Mức chia lãi vốn góp cho thành viên do Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng dự kiến theo quy định của pháp luật và trình Đại hội thành viên thông qua.

4. Số lãi còn lại (nếu có) được dùng để bổ sung Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ của Quỹ tín dụng.

Điều 32. Sử dụng Vốn tự có và Quỹ của Quỹ tín dụng

1. Quỹ tín dụng được mua, đầu tư vào tài sản cố định sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiệp vụ với tỷ lệ do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.

2. Quỹ tín dụng không được sử dụng Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ để chia lãi vốn góp; việc sử dụng các Quỹ trên do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định của Bộ Tài chính và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

3. Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất, chi trợ cấp khó khăn cho nhân viên và thành viên Quỹ tín dụng hoặc dùng để đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của Quỹ tín dụng; việc sử dụng hai Quỹ này do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 33. Thực hiện chế độ báo cáo

Quỹ tín dụng thực hiện chế độ báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 34. Xử lý các khoản lỗ

Lỗ phát sinh trong năm tài chính của Quỹ tín dụng về nguyên tắc được xử lý như sau:

1. Được thu từ tiền đền bù của các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm liên đới; Thu từ tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm mà Quỹ tín dụng mua bảo hiểm.

2. Sử dụng lợi nhuận để bù lỗ năm trước theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội thành viên.

3. Trong trường hợp đã sử dụng các khoản trên để bù đắp mà vẫn chưa đủ thì số lỗ còn lại được bù đắp bằng Quỹ dự phòng theo quyết định của Đại hội thành viên.

4. Khi đã sử dụng tất cả các khoản thu trên mà vẫn không đủ trang trải số thực lỗ thì số lỗ còn lại được chuyển sang năm sau theo quy định của pháp luật về thuế.

Chương VI

HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ QUỸ TÍN DỤNG

Điều 35. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quỹ tín dụng

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quỹ tín dụng phải xuất phát từ yêu cầu của thực tế và đáp ứng các điều kiện quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật hiện hành.

2. Đại hội thành viên quyết định việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách Quỹ tín dụng trên cơ sở phương án do Hội đồng quản trị trình trước Đại hội.

3. Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách được thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 36. Giải thể

Quỹ tín dụng giải thể trong các trường hợp sau:

1. Giải thể tự nguyện theo Nghị quyết của Đại hội thành viên và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

2. Hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

3. Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bắt buộc giải thể; Ngân hàng Nhà nước thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 37. Phá sản

Quỹ tín dụng có thể bị tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật sau khi Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản về việc không áp dụng hoặc chấm dứt áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh

toán của Quỹ tín dụng và hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đã dùng mọi biện pháp hỗ trợ nhưng Quỹ tín dụng vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn.

Điều 38. Thanh lý

1. Trong trường hợp Quỹ tín dụng giải thể, việc thanh lý được thực hiện theo quy định của pháp luật và dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.
2. Trong trường hợp Quỹ tín dụng bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do Quỹ tín dụng chịu.

Chương VII

CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA QUỸ TÍN DỤNG

Điều 39. Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Quỹ tín dụng chịu sự quản lý của Bộ Tài chính về thực hiện cơ chế, chính sách, chế độ tài chính.
2. Quỹ tín dụng chịu sự quản lý của Ngân hàng Nhà nước về thực hiện chế độ, chính sách tiền tệ - tín dụng - Ngân hàng.
3. Quỹ tín dụng chịu sự quản lý của các cơ quan nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Quan hệ với chính quyền địa phương

1. Được chính quyền địa phương giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động an toàn, có hiệu quả.
2. Được chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện giúp đỡ trong việc xử lý các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động; giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Quỹ tín dụng và thành viên Quỹ tín dụng.
3. Thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động của Quỹ tín dụng đối với chính quyền địa phương nơi Quỹ tín dụng đóng trụ sở.

Điều 41. Quan hệ với các tổ chức tài chính - tín dụng khác

Được quan hệ hợp tác với tất cả các tổ chức tài chính - tín dụng ở trong nước theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 42. Quan hệ với Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương

1. Là thành viên của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương.
2. Được gửi vốn và vay vốn Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương; hưởng thụ các dịch vụ chung của Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương cung cấp cho thành viên; được trao đổi kinh nghiệm về hoạt động của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 43. Quan hệ với Tổ chức liên kết phát triển hệ thống

Quỹ tín dụng là thành viên của Tổ chức liên kết phát triển hệ thống và được hưởng các dịch vụ chăm sóc, hỗ trợ của Tổ chức liên kết phát triển hệ thống nhằm mục tiêu xây dựng Quỹ tín dụng và cả hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững.

Chương VIII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 44. Khen thưởng

Các tổ chức, cá nhân, thành viên của Quỹ tín dụng có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Quỹ tín dụng, có nhiều đóng góp mang lại hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Quỹ tín dụng sẽ được khen thưởng. Mức khen thưởng cụ thể do Đại hội thành viên quyết định.

Điều 45. Kỷ luật

1. Thành viên nào vi phạm Điều lệ hoạt động của Quỹ tín dụng và quy định của pháp luật hiện hành tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Quỹ tín dụng hoặc bị xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại tài sản thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân nào lợi dụng danh nghĩa Quỹ tín dụng để hoạt động vì mục đích mưu cầu lợi ích cá nhân, vi phạm pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

Chương IX ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

2. Điều lệ này được lập thành 03 bản và lưu giữ tại:

- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố: 01 bản
- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 01 bản
- Quỹ tín dụng..... : 01 bản

Điều 47. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ do Đại hội thành viên quyết định và phải được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y./.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng